

Số: 20 /QĐ-UBND

Trà Vinh, ngày 07 tháng 01 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Kế hoạch hành động thực hiện
Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2019 của Chính phủ
về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển
kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2019**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2019 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 19-NQ/TU ngày 26/12/2018 của Tỉnh ủy về nhiệm vụ phát triển kinh tế- xã hội và xây dựng hệ thống chính trị năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 75/2018/NQ-HĐND ngày 07/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2019;

Xét đề nghị của Chánh Văn phòng UBND tỉnh,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2019 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2019.

Điều 2. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- VP Chính phủ;
- Bộ KH và ĐT;
- TT.TU, TT.HĐND tỉnh;
- Như Điều 2;
- BLĐVP;
- Các Phòng CM thuộc VP;
- Lưu: VT, THNV. 37

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Đông Văn Lâm

KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG

**Thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2019 của Chính phủ
về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát
triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2019
(Ban hành kèm theo Quyết định số 20 /QĐ-UBND,
ngày 07 tháng 01 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh)**

**I. KHÁI QUÁT TÌNH HÌNH, PHƯƠNG CHÂM HÀNH ĐỘNG VÀ
TRỌNG TÂM CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH**

1. Bối cảnh, tình hình năm 2019:

Năm 2018, mặc dù gặp nhiều khó khăn, thách thức, nhưng với sự nỗ lực, phấn đấu của toàn Đảng, toàn quân, toàn dân, tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh tiếp tục chuyển biến tích cực, thực hiện đạt và vượt 19/20 chỉ tiêu HĐND tỉnh giao; thu ngân sách nội địa, thu hút đầu tư tăng khá; sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản phục hồi rõ nét và tăng trưởng mạnh; giải quyết việc làm đạt kết quả cao, an sinh xã hội được thực hiện tốt; phong trào văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao tiếp tục phát triển; công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân được quan tâm, an toàn vệ sinh thực phẩm được đảm bảo; các chính sách dân tộc, tôn giáo được thực hiện tốt; phạm pháp hình sự, tệ nạn xã hội, cháy nổ được kéo giảm, tai nạn giao thông giảm cả 03 mặt.

Tuy nhiên, bên cạnh đó còn một số tồn tại, hạn chế: kinh tế tăng trưởng chưa đạt chỉ tiêu Nghị quyết; công nghiệp tăng trưởng thấp; tái cơ cấu nông nghiệp, nông thôn chưa đi vào chiều sâu, chưa có nhiều đột phá; phát triển doanh nghiệp còn thấp so với kế hoạch và cùng kỳ, chuyển đổi hộ kinh doanh lên doanh nghiệp còn ít; giải ngân vốn đầu tư công còn chậm; ô nhiễm môi trường, tình trạng khai thác cát trái phép còn diễn biến phức tạp; tình trạng khiếu kiện đông người, vượt cấp còn diễn ra.

Năm 2019 là năm thứ 4 thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016- 2020; là năm bứt phá để hoàn thành kế hoạch 5 năm 2016-2020. Dự báo năm 2019, trong nước kinh tế vĩ mô ổn định, môi trường kinh doanh tiếp tục được cải thiện. Đối với tỉnh, kết quả phát triển những năm qua, cơ sở hạ tầng ngày càng hoàn thiện, tạo động lực cho phát triển kinh tế - xã hội. Bên cạnh đó, còn nhiều khó khăn thách thức, biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh ngày càng khó lường; khoa học, công nghệ phát triển nhanh và Cách mạng công nghiệp lần thứ tư tác động mạnh mẽ trên nhiều phương diện, vừa là cơ hội, vừa là thách thức. Quy mô nền kinh tế của tỉnh nhỏ, năng lực cạnh tranh còn thấp, ứng dụng công nghệ cao, phát triển theo chuỗi giá trị còn hạn chế, tỉ lệ hộ nghèo, cận nghèo còn

cao...là những trở ngại không nhỏ trong việc thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2019.

2. Mục tiêu tổng quát của năm 2019 là tiếp tục thực hiện tái cơ cấu kinh tế, đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế; cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, phát triển doanh nghiệp; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; tăng cường nghiên cứu và ứng dụng tiến bộ khoa học – công nghệ trong sản xuất và đời sống; tập trung huy động đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế-xã hội, nhất là giao thông; phát triển văn hóa, khai thác tốt tiềm năng phát triển du lịch; bảo đảm an sinh và phúc lợi xã hội, cải thiện đời sống nhân dân; quản lý tài nguyên, cải thiện cảnh quan, bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu. Đẩy mạnh cải cách hành chính, thực hành tiết kiệm, chống tham nhũng, lãng phí; giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. Nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại và hội nhập quốc tế. Tập trung sắp xếp tinh gọn tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế; xây dựng đội ngũ cán bộ đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới, tiến tới Đại hội Đảng bộ các cấp, nhiệm kỳ 2020-2025.

3. Các chỉ tiêu chủ yếu và phân công theo dõi, đánh giá tình hình thực hiện (theo Phụ lục I)

4. Để thực hiện thắng lợi nhiệm vụ, mục tiêu Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2019, UBND tỉnh chỉ đạo, điều hành theo phương châm hành động của Chính phủ, Tinh ủy là **“Kỷ cương, liêm chính, trách nhiệm, hành động, sáng tạo, bứt phá, hiệu quả, về đích”**.

5. Trọng tâm chỉ đạo, điều hành:

5.1. Đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng kinh tế; tiếp tục thực hiện tái cơ cấu kinh tế, đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế; đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp; tận dụng có hiệu quả cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

5.2. Xây dựng bộ máy kỷ cương, liêm chính, hành động, sáng tạo, hiệu quả, phục vụ, tạo môi trường đầu tư, kinh doanh thuận lợi cho doanh nghiệp và người dân. Nâng cao chất lượng thực thi pháp luật. Siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính, công vụ, nâng cao trách nhiệm đối với tập thể, cá nhân, nhất là người đứng đầu. Chú trọng cải cách hành chính, xây dựng chính quyền điện tử gắn với sắp xếp tổ chức bộ máy biên chế tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả.

5.3. Phát triển toàn diện, hài hòa các lĩnh vực văn hóa, xã hội, xây dựng con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước; đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước, không ngừng nâng cao đời sống mọi mặt của nhân dân; tăng cường quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường, phòng chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu. Củng cố quốc phòng, bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội; đẩy mạnh công tác đối ngoại và hội nhập quốc tế.

5.4. Chủ động, tích cực tham gia chuẩn bị Đại hội Đảng bộ các cấp, nhiệm kỳ 2020-2025 tiến tới Đại hội XIII của Đảng. Chuẩn bị tổng kết Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2016-2020, xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025.

II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU NĂM 2019

1. Ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát; cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh

1.1. Tổ chức thực hiện có hiệu quả chính sách tiền tệ, tín dụng theo định hướng điều hành của NHNN Việt Nam góp phần giữ ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế địa phương. Tăng trưởng tín dụng đi đôi với cơ cấu lại và nâng cao chất lượng tín dụng, tập trung tín dụng cho các lĩnh vực sản xuất, nhất là các lĩnh vực ưu tiên, đáp ứng nhu cầu của người dân và thay thế tín dụng đen. Thực hiện quản lý chặt chẽ hoạt động kinh doanh vàng, ngoại tệ tại các điểm giao dịch trên địa bàn nhằm đảm bảo hoạt động thị trường vàng, thị trường ngoại tệ ổn định. Thực hiện hiệu quả các biện pháp bình ổn giá cả, thị trường.

1.2. Tăng cường kiểm tra chống thất thu, trốn lậu thuế; giảm nợ thuế tồn đọng so cùng kỳ, đảm bảo xử lý nợ thuế trên địa bàn đúng quy trình, quy định để đến cuối năm giảm tỷ lệ nợ đọng thuế xuống dưới 5%. Phần đầu tăng thu ngân sách khoảng 5% so với dự toán.

1.3. Siết chặt kỷ luật tài chính – ngân sách nhà nước (NSNN); tăng cường thanh tra, kiểm tra và công khai, minh bạch việc sử dụng NSNN. Điều hành chi ngân sách theo dự toán được giao; phần đầu nâng tỷ trọng chi đầu tư phát triển, giảm tỷ trọng chi thường xuyên. Tiết kiệm chi thường xuyên, không bố trí kinh phí cho các nhiệm vụ chi chưa thực sự cấp thiết; hạn chế mua sắm xe ô tô công và trang thiết bị đắt tiền; tiết kiệm tối đa chi phí tổ chức hội nghị, lễ hội, hội thảo, khánh tiết, công tác nước ngoài... Cân đối nguồn lực để thực hiện đúng lộ trình cải cách chính sách tiền lương và bảo hiểm xã hội theo Nghị quyết Trung ương. Quản lý chặt chẽ và sử dụng hiệu quả tài sản công theo đúng Luật Quản lý và sử dụng tài sản công. Giám sát chặt chẽ việc quản lý và sử dụng vốn vay.

1.4. Nâng cao hiệu quả công tác xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường xuất khẩu; tiếp tục thực hiện có hiệu quả Đề án phát triển thị trường trong nước gắn với Cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”, phần đầu tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tăng khoảng 12%. Tăng cường công tác quản lý, kiểm tra thị trường; phòng, chống buôn lậu, gian lận thương mại, xử lý nghiêm vi phạm.

1.5. Củng cố hệ thống thông tin, báo cáo; nâng cao chất lượng công tác thống kê, phân tích, dự báo, phục vụ quản lý, điều hành; tổ chức tốt tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019.

2. Thực hiện quyết liệt các đột phá chiến lược, cơ cấu lại nền kinh tế, đổi mới mô hình, nâng cao chất lượng tăng trưởng

2.1. Thực hiện quyết liệt các đột phá chiến lược.

- Tổ chức thi hành pháp luật kịp thời, hiệu quả; nâng cao chất lượng công tác theo dõi thực hiện pháp luật. Nâng cao chất lượng thẩm định văn bản quy phạm pháp luật, trình ban hành kịp thời các nghị quyết của HĐND tỉnh, quyết định của UBND tỉnh quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành các luật, pháp lệnh, nghị quyết được giao. Tiếp tục rà soát và ban hành các cơ chế, chính sách tạo đột

phá mạnh mẽ hơn nữa, nhất là cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, khuyến khích phát triển sản xuất, kinh doanh, phát triển doanh nghiệp, khởi nghiệp. Phát triển thị trường lao động, chú trọng công tác hướng nghiệp, dự báo, ứng dụng công nghệ thông tin, kết nối cung – cầu; hỗ trợ thanh niên lập nghiệp, khởi sự doanh nghiệp; mở rộng thị trường lao động ngoài nước, bảo đảm tỷ lệ thất nghiệp ở khu vực thành thị dưới 3%, phân đầu tư 350-400 lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài. Phát triển thị trường bất động sản, thị trường khoa học công nghệ gắn với bảo hộ sở hữu trí tuệ. Khuyến khích phát triển đa dạng các loại hình dịch vụ viễn thông, vận tải, bảo hiểm, ngân hàng, hệ thống kho bãi....

- Tập trung huy động nguồn lực đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế- xã hội đồng bộ theo hướng hiện đại, nhất là giao thông. Tập trung giải quyết dứt điểm các vướng mắc để đẩy nhanh tiến độ triển khai các dự án hạ tầng quan trọng như Đường tỉnh 915B, Hạ tầng thiết yếu phục vụ vùng sản xuất cây ăn trái tập trung 02 huyện Càng Long, Châu Thành và thành phố Trà Vinh, Bệnh viện đa khoa tỉnh, hạ tầng trong Khu Kinh tế Định An, khu công nghiệp, cụm công nghiệp và các dự án trọng điểm, có sức lan tỏa cao.... Phát huy vai trò động lực phát triển của các đô thị, thúc đẩy mạnh mẽ đô thị hóa theo hướng bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu; phát triển đô thị thông minh, đô thị xanh... Phát triển hạ tầng viễn thông, Internet ...

- Tập trung triển khai thực hiện có hiệu quả các chính sách phát triển nguồn nhân lực, nhất là nhân lực chất lượng cao. Gắn kết chặt chẽ phát triển giáo dục đào tạo, giáo dục nghề nghiệp với phát triển nguồn nhân lực, phù hợp với nhu cầu thị trường lao động và đáp ứng yêu cầu phát triển. Nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp, chú trọng chất lượng đầu ra; khuyến khích xã hội hóa giáo dục nghề nghiệp; đẩy mạnh phân luồng, hướng nghiệp cho học sinh.

2.2. Triển khai thực hiện có hiệu quả các chủ trương, nghị quyết của Đảng, Quốc hội, Chính phủ, tạo chuyển biến rõ nét trong thực hiện tái cơ cấu lại nền kinh tế, đổi mới mô hình tăng trưởng theo chiều sâu kết hợp nâng cao chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh gắn với thực hiện Kế hoạch số 75-KH/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện 06 nhiệm vụ tập trung, 03 nhiệm vụ đột phá đến năm 2020 và những năm tiếp theo. Khuyến khích chuyển giao công nghệ, chuyển đổi lên công nghệ cao hơn, hỗ trợ nghiên cứu, phát triển, khởi nghiệp sáng tạo. Thực hiện hiệu quả dự án nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm hàng hóa chủ lực của tỉnh. Đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ, phát huy các nguồn lực xã hội cho nghiên cứu, ứng dụng, đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp, chuyển giao công nghệ. Đẩy mạnh liên kết kinh tế vùng.

2.3. Tăng cường huy động và sử dụng có hiệu quả nguồn lực xã hội. Quản lý chặt chẽ, tránh thất thoát, lãng phí, nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực đầu tư công. Đề cao vai trò, trách nhiệm người đứng đầu của các sở, ngành, địa phương, đơn vị trong việc thúc đẩy giải ngân vốn đầu tư công. Thực hiện nghiêm quy định pháp luật về đấu thầu, bảo đảm thực chất, công khai, minh bạch, phân đầu tư tỷ lệ lựa chọn nhà thầu qua mạng bằng hình thức chào hàng cạnh tranh, đấu thầu rộng rãi đạt tối thiểu 50% về số lượng gói thầu và 15% về tổng giá trị gói thầu.

Thu hút vốn đầu tư từ nước ngoài, ưu tiên dự án công nghệ cao, thân thiện môi trường, chuyên giao công nghệ... Phấn đấu tỷ trọng vốn đầu tư toàn xã hội đạt 22.500 tỉ đồng. Tập trung xây dựng và hoàn thiện các tiêu chí đô thị, nhất là thành phố Trà Vinh, thị xã Duyên Hải, thị trấn Tiểu Cần, các đô thị ở trung tâm các huyện, phấn đấu tỉ lệ đô thị hóa đạt 28%.

2.4. Tập trung xử lý nợ xấu, đồng thời triển khai các biện pháp hạn chế nợ xấu phát sinh và nâng cao chất lượng tín dụng. Tăng cường kiểm tra, thanh tra, giám sát, xử lý nghiêm các vi phạm trong hoạt động của các tổ chức tín dụng và thị trường tiền tệ. Tiếp tục triển khai có hiệu quả Đề án thanh toán không dùng tiền mặt; nâng cao chất lượng dịch vụ, khả năng phục vụ, phát triển đa dạng hoá các sản phẩm ngân hàng.

2.5. Thực hiện đồng bộ, hiệu quả các giải pháp cơ cấu lại nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới. Rà soát, bổ sung quy hoạch phát triển sản xuất phù hợp với lợi thế của 03 tiểu vùng ngọt – mặn – lợ. Đổi mới các hình thức tổ chức sản xuất nông nghiệp, thủy sản; phát triển chuỗi từ sản xuất, chế biến đến tiêu thụ, xuất khẩu phù hợp với điều kiện địa phương, sản phẩm, ngành hàng; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ cao, công nghiệp chế biến, bảo quản nông sản và phát triển thị trường. Nâng cao chất lượng, sức cạnh tranh và khả năng tiếp cận thị trường cho sản phẩm nông nghiệp. Tập trung phát triển cây, con chủ lực, mỗi xã, phường, thị trấn một sản phẩm chủ lực. Xây dựng nông thôn mới theo chiều sâu, nâng cao chất lượng các tiêu chí còn đạt thấp, không bền vững; lựa chọn những tiêu chí quan trọng có tác động lớn thúc đẩy phát triển kinh tế-xã hội, nâng cao đời sống nhân dân để tập trung thực hiện, phấn đấu có thêm 14 xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới, huyện Cầu Kè đạt chuẩn huyện nông thôn mới. Thực hiện tốt Đề án phát triển hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã nông nghiệp hoạt động có hiệu quả đến năm 2020 trên địa bàn tỉnh. Quan tâm hỗ trợ phát triển mạnh mẽ các loại hình hợp tác xã nông nghiệp, phấn đấu phát triển mới 25-30 hợp tác xã, có 70 % hợp tác xã kiểu mới hoàn thành các tiêu chí theo quy định.

2.6. Tập trung phát triển công nghiệp, trọng tâm là công nghiệp phục vụ nông nghiệp, công nghiệp chế biến nông sản. Khuyến khích phát triển công nghiệp chế biến gắn với vùng nguyên liệu, trọng tâm là các mặt hàng nông sản thế mạnh của tỉnh như thủy sản, lúa gạo, dừa, cây ăn trái..., các sản phẩm có giá trị gia tăng cao, lợi thế cạnh tranh, có khả năng tham gia thị trường xuất khẩu. Đẩy mạnh phát triển điện, tạo điều kiện cho các dự án năng lượng (điện gió, năng lượng mặt trời, nhà máy nhiệt điện) sớm hoàn thành đưa vào hoạt động tạo động lực thúc đẩy tăng trưởng kinh tế; không để xảy ra tình trạng thiếu điện cho sản xuất và sinh hoạt của nhân dân.

Nâng cao chất lượng, đa dạng hóa sản phẩm du lịch; đẩy mạnh quảng bá, xây dựng thương hiệu; quản lý chặt chẽ chất lượng kinh doanh dịch vụ du lịch, nhất là hoạt động lữ hành, lưu trú.

2.7. Cải thiện mạnh mẽ môi trường kinh doanh, năng lực cạnh tranh, phát triển mạnh kinh tế tư nhân. Thường xuyên quan tâm, chú trọng việc thực hiện các chính sách, thủ tục hành chính về đầu tư, kinh doanh, đất đai, thuế, tín dụng..., gắn với duy trì đối thoại định kỳ với doanh nghiệp để nắm bắt, kịp thời tháo gỡ khó khăn,

vướng mắc cho doanh nghiệp. Triển khai có hiệu quả Nghị quyết số 35/NQ-CP của Chính phủ và Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, chương trình kết nối Ngân hàng – Doanh nghiệp. Phân đấu chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) và chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh (PAPI) xếp hạng từ 30 trở xuống so với 63 tỉnh, thành phố. Thúc đẩy mạnh mẽ đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp, phát triển doanh nghiệp, hỗ trợ, khuyến khích hộ kinh doanh chuyên đổi thành doanh nghiệp; phân đấu có 550-600 doanh nghiệp thành lập mới. Cùng cố, phát triển Hợp tác xã đạt tiêu chí Hợp tác xã kiểu mới.

3. Phát triển toàn diện, hài hòa các lĩnh vực văn hóa, xã hội, không ngừng nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân

3.1. Thực hiện tốt chính sách hỗ trợ người có công, chính sách giảm nghèo, khuyến khích người nghèo, cận nghèo tích cực, chủ động tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản và cơ hội phát triển sản xuất, kinh doanh, đặc biệt là vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Nhân rộng các mô hình giảm nghèo hiệu quả, bền vững, phân đấu giảm 1,5%-2% số hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều, trong đó vùng dân tộc Khmer giảm 3%. Chú trọng phát triển nhà ở xã hội, nhà ở cho người có thu nhập thấp, nhà ở cho công nhân và các thiết chế văn hóa, thể thao tại khu công nghiệp.

Triển khai thực hiện tốt Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện các Nghị quyết Trung ương về cải cách chính sách bảo hiểm xã hội, tiền lương. Phát triển hệ thống an sinh xã hội hiệu quả, bền vững. Tổ chức thực hiện hiệu quả các chính sách trợ giúp thường xuyên và đột xuất đối với các đối tượng yếu thế trong xã hội; quan tâm chăm sóc người cao tuổi, người khuyết tật, trẻ em, thanh thiếu niên, phụ nữ. Đẩy mạnh công tác phòng, chống tệ nạn xã hội, phòng chống bạo lực gia đình, xâm hại trẻ em,...

3.2. Tiếp tục triển khai thực hiện tốt công tác y tế, dân số. Tiếp tục nâng cao chất lượng dịch vụ khám, chữa bệnh, giảm quá tải bệnh viện, tăng sự hài lòng của người dân. Tăng cường cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập; thúc đẩy xã hội hóa, tạo điều kiện để y tế tư nhân phát triển. Chủ động phòng chống dịch bệnh, tăng cường các hoạt động nâng cao sức khỏe, đẩy mạnh hoạt động cung ứng dịch vụ tầm soát, phát hiện sớm bệnh tật, nhất là các bệnh ung thư, tim mạch, đái tháo đường... Nâng cao hiệu quả hoạt động y tế cơ sở. Nâng cao chất lượng dân số về thể chất, duy trì mức sinh thay thế, kiểm soát chênh lệch tỷ số giới tính khi sinh. Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý hồ sơ sức khỏe cá nhân, quỹ bảo hiểm y tế; hoàn thành việc kết nối các cơ sở cung ứng, phân phối thuốc. Tăng cường kiểm tra, thanh tra hoạt động kinh doanh dược phẩm và thực phẩm chức năng; quản lý phòng khám tư nhân; phòng chống thuốc giả, xử lý nghiêm vi phạm. Tăng cường công tác bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm.

3.3. Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện ở các cấp học. Triển khai thực hiện tốt chủ trương đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông. Đổi mới công tác quản lý các cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông. Tổ chức các kỳ thi nghiêm túc, an toàn, chất lượng. Chú trọng xây dựng văn hóa học đường, trang bị kỹ năng sống cho học sinh; xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh, dân chủ, kỷ cương. Tiếp tục rà soát, sáp nhập các điểm trường học có quy mô nhỏ, gắn với

kiện toàn, sắp xếp lại đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục, xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia. Thực hiện hiệu quả các chính sách phát triển giáo dục đào tạo cho vùng khó khăn, đồng bào dân tộc thiểu số và đối tượng chính sách.

3.4. Tăng cường công tác bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị văn hóa vật thể, phi vật thể và văn hóa dân tộc. Nâng cao hiệu quả các thiết chế văn hoá; thực hiện tốt Cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới và đô thị văn minh” và phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá”; từng bước cải thiện, nâng cao giá trị đạo đức xã hội. Quản lý hiệu quả hoạt động văn hóa, thông tin, quảng cáo... Đa dạng hóa các hình thức truyền thông, giáo dục xây dựng và gìn giữ văn hóa trong nhân dân. Phát triển thể dục, thể thao cho mọi người và thể thao thành tích cao, chuyên nghiệp; chú trọng phát triển thể dục thể thao cơ sở.

3.5. Thực hiện tốt chính sách dân tộc, tôn giáo. Đẩy nhanh tiến độ thực hiện các chương trình, dự án trong vùng đồng bào dân tộc Khmer. Tăng cường tuyên truyền, vận động đồng bào tích cực tham gia thực hiện tốt các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước. Quan tâm thăm hỏi, động viên và tạo điều kiện cho đồng bào dân tộc, tôn giáo tổ chức các ngày lễ, tết vui tươi, an toàn, tiết kiệm. Kịp thời giải quyết xử lý các đơn thư khiếu nại, tố cáo có liên quan đến đồng bào dân tộc, tôn giáo để ổn định tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. Xử lý nghiêm các trường hợp lợi dụng tự do tôn giáo, tín ngưỡng để vi phạm pháp luật.

4. Phát huy nguồn lực tài nguyên, tăng cường bảo vệ môi trường, phòng chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu

4.1. Nâng cao hiệu quả sử dụng, khắc phục tình trạng lãng phí nguồn lực đất đai, tài nguyên, khoáng sản,... Xây dựng cơ sở dữ liệu, theo dõi, giám sát chặt chẽ việc thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; xử lý nghiêm các vi phạm trong quản lý, sử dụng đất đai. Kiểm soát chặt chẽ việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất, nhất là đất lúa, đất rừng phòng hộ. Rà soát, chuyển đổi linh hoạt, có hiệu quả cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa. Thực hiện nghiêm việc giao đất, cho thuê đất để thực hiện các dự án phát triển kinh tế - xã hội thông qua đấu giá quyền sử dụng đất, đấu thầu dự án có sử dụng đất. Tăng cường thanh tra, kiểm tra việc quản lý, sử dụng đất công, đất bãi bồi, đất xây dựng. Quản lý hiệu quả nguồn cát sông, cát biển, bảo vệ nguồn nước ngầm, các cồn mới nổi, xử lý nghiêm vi phạm. Phát triển bền vững kinh tế biển, thực hiện Chương trình thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; bảo vệ, phát triển rừng, nâng tỷ lệ che phủ rừng.

4.2. Huy động, sử dụng hiệu quả các nguồn lực cho bảo vệ môi trường, phòng chống thiên tai, ứng phó biến đổi khí hậu. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong thực hiện Chỉ thị 15 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Kế hoạch số 01 của UBND tỉnh, nâng cao ý thức người dân trong thực hiện vệ sinh cảnh quan môi trường, thu gom xử lý rác thải, trật tự đô thị. Xử lý triệt để cơ sở gây ô nhiễm nghiêm trọng; kiểm soát chặt chẽ nguồn xả thải; tập trung xử lý rác thải đô thị, nông thôn, nhân rộng mô hình xử lý rác thải hiệu quả, bền vững. Thực hiện nghiêm quy định về quản lý, bảo vệ, phát triển rừng, bảo tồn

thiên nhiên và đa dạng sinh học. Khuyến khích phát triển năng lượng tái tạo và sử dụng tiết kiệm năng lượng. Thực hiện có hiệu quả các chương trình, dự án ứng phó biến đổi khí hậu, tăng trưởng xanh. Kiểm soát chặt chẽ môi trường tại khu công nghiệp, cụm công nghiệp, làng nghề.

4.3. Theo dõi chặt chẽ diễn biến khí tượng, thủy văn, hạn hán, xâm nhập mặn; nâng cao chất lượng dự báo, cảnh báo thiên tai. Triển khai hiệu quả, kịp thời các giải pháp phát triển bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu. Chủ động phòng, chống, giảm nhẹ thiên tai; kịp thời ứng phó, khắc phục hiệu quả các sự cố, thiên tai và cứu nạn, cứu hộ, ổn định đời sống dân cư. Thực hiện hiệu quả các giải pháp phòng, chống sạt lở bờ sông, ven biển.

5. Tăng cường, nâng cao hiệu quả công tác thanh tra, kiểm tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo; đẩy mạnh công tác phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí

5.1. Thực hiện đồng bộ các giải pháp nâng cao hiệu quả công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo; thực hiện nghiêm trách nhiệm tiếp công dân của người đứng đầu. Tiếp nhận, giải quyết kịp thời và công khai kết quả giải quyết phản ánh, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp. Tăng cường kiểm tra, rà soát, giải quyết dứt điểm các vụ khiếu nại, tố cáo phức tạp, kéo dài. Nghiêm túc tổ chức thực hiện các quyết định giải quyết khiếu nại, quyết định xử lý tố cáo đã có hiệu lực pháp luật.

5.2. Thực hiện nghiêm Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XII), ngăn chặn, đẩy lùi suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ. Tổ chức triển khai có hiệu quả Luật Phòng, chống tham nhũng. Nâng cao hiệu quả công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong các lĩnh vực. Triển khai đồng bộ, quyết liệt các giải pháp phòng chống tham nhũng, lãng phí. Thực hiện tốt chuyển đổi vị trí công tác theo quy định tại Nghị định số 158/2007/NĐ-CP và Nghị định số 150/2013/NĐ-CP. Tăng cường thanh tra, kiểm tra, nhất là các lĩnh vực dễ phát sinh tiêu cực; kiên quyết xử lý, khắc phục tình trạng “tham nhũng vặt”, những nhiễu, gây phiền hà cho người dân và doanh nghiệp, xử lý nghiêm các vi phạm.

6. Xây dựng bộ máy tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả; siết chặt kỷ luật, kỷ cương; xây dựng chính quyền điện tử phục vụ người dân và doanh nghiệp

6.1. Tiếp tục thực hiện tốt các kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW, Nghị quyết số 19/NQ-TW. Đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả; tinh giản biên chế gắn với cơ cấu lại đội ngũ công chức, viên chức. Đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập. Đẩy nhanh tiến độ thực hiện cơ chế tự chủ của các đơn vị sự nghiệp công lập.

6.2. Siết chặt kỷ luật, kỷ cương, tăng cường thanh tra, kiểm tra công vụ. Xây dựng nền hành chính hiện đại, chuyên nghiệp, hiệu quả, đổi mới phương thức, lề lối làm việc; thực hiện nghiêm quy định chế độ họp trong hoạt động quản lý, điều hành của cơ quan thuộc hệ thống hành chính nhà nước (tăng số lượng cuộc họp theo hình thức trực tuyến; cắt giảm chế độ báo cáo định kỳ).

6.3. Đơn giản hóa, kiểm soát và cắt giảm thực chất các thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh, coi đây là một khâu đột phá thúc đẩy tăng trưởng. Thực hiện hiệu quả cơ chế một cửa, một cửa liên thông, mô hình trung tâm phục vụ hành chính công, cung cấp dịch vụ công trực tuyến, tăng tỷ lệ cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4.

6.4. Nâng cao hiệu quả hoạt động của các cơ quan tư pháp, hỗ trợ tư pháp, giám định tư pháp; tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trong các lĩnh vực hành chính tư pháp. Đẩy nhanh tiến độ xây dựng Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử gắn với việc tổ chức thực hiện Đề án Tổng thể đơn giản hóa thủ tục hành chính, giấy tờ công dân và các cơ sở dữ liệu liên quan đến quản lý dân cư giai đoạn 2013-2020. Tăng cường công tác chỉ đạo, phối hợp, phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu, nhiệm vụ thi hành án dân sự.

7. Tăng cường quốc phòng, an ninh, nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại, hội nhập quốc tế

7.1. Cùng cố quốc phòng, an ninh, xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân vững chắc gắn với thế trận an ninh nhân dân. Kết hợp chặt chẽ phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội với bảo đảm quốc phòng, an ninh, chú trọng vùng sâu, vùng xa. Xây dựng lực lượng quân đội nhân dân, công an nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại, hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được giao.

7.2. Chủ động nắm chắc tình hình, kịp thời đấu tranh ngăn chặn, làm thất bại mọi âm mưu, hoạt động chống phá Đảng, Nhà nước; không để bị động, bất ngờ trong mọi tình huống. Bảo vệ vững chắc chính trị nội bộ, an ninh kinh tế, an ninh tư tưởng, an ninh mạng, các sự kiện chính trị, ngày lễ lớn, hội nghị, các mục tiêu trọng điểm về an ninh.

7.3. Thực hiện quyết liệt, đồng bộ các giải pháp phòng chống tội phạm, nhất là tội phạm có tổ chức, hoạt động theo kiểu “xã hội đen”, tội phạm hình sự liên quan “tín dụng đen”; tội phạm ma túy, cướp giật, công nghệ cao; triển khai đồng bộ các giải pháp bảo đảm trật tự, an toàn giao thông, phòng chống cháy nổ.

7.4. Phổ biến thông tin, nâng cao nhận thức về hội nhập quốc tế. Tổ chức tốt các hoạt động đối ngoại; đẩy mạnh thu hút đầu tư nước ngoài; vận động các nguồn viện trợ phi chính phủ; thực hiện tốt chính sách đối với người Việt Nam ở nước ngoài; tăng cường công tác ngoại giao văn hóa, ngoại giao nhân dân và thông tin đối ngoại.

8. Đẩy mạnh thông tin và truyền thông; tăng cường công tác phối hợp giữa chính quyền và các cơ quan của Đảng, Nhà nước, các đoàn thể

8.1. Thực hiện nghiêm quy chế phát ngôn, chủ động cung cấp thông tin, nhất là tình hình kinh tế - xã hội, cơ chế, chính sách mới bảo đảm kịp thời, hiệu quả. Tăng cường công tác quản lý, phát huy vai trò của báo chí trên địa bàn tỉnh, đẩy mạnh công tác thông tin cơ sở nhằm cung cấp đầy đủ, kịp thời những thông tin cần thiết cho Nhân dân. Khắc phục hiệu quả tình trạng đưa tin sai sự thật trên mạng để chống phá Đảng, Nhà nước. Xử lý nghiêm các trường hợp lợi dụng quyền tự do ngôn luận, vi phạm lợi ích của nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân.

8.2. Đa dạng hóa các hình thức phổ biến, giáo dục pháp luật, tạo chuyển biến trong nhận thức và ý thức tuân thủ, chấp hành pháp luật.

8.3. Làm tốt công tác dân vận, phối hợp hiệu quả với các cơ quan Đảng, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể quần chúng trong thực hiện nhiệm vụ, góp phần tạo đồng thuận xã hội, củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thủ trưởng các Sở, ngành tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố theo chức năng, nhiệm vụ được giao, phát huy tối đa các mặt tích cực đã làm được trong năm 2018, nghiêm túc triển khai thực hiện quyết liệt, hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp đã được đề ra trong Nghị quyết của Tỉnh ủy, Nghị quyết của HĐND tỉnh, Kế hoạch của UBND tỉnh và Kế hoạch này trong năm 2019; thực hiện các nhiệm vụ sau:

1.1. Trước ngày 20 tháng 01 năm 2019, xây dựng, ban hành các văn bản cụ thể triển khai thực hiện Kế hoạch này, trong đó xác định rõ mục tiêu, nhiệm vụ, tiến độ thực hiện, gửi Văn phòng UBND tỉnh tổng hợp, báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh tại phiên họp tháng 01/2019.

1.2. Thường xuyên kiểm tra, giám sát tiến độ và kết quả thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ đề ra; chủ động xử lý theo thẩm quyền hoặc đề xuất UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh xử lý kịp thời đối với những khó khăn, vướng mắc, vấn đề phát sinh.

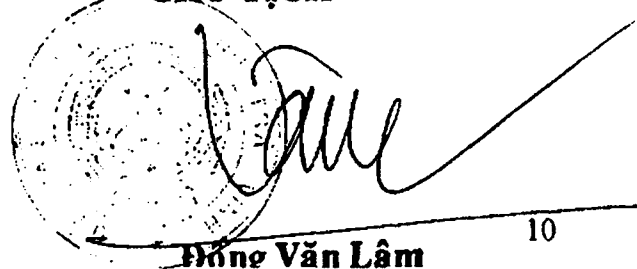
1.3. Hằng quý báo cáo, đánh giá tình hình thực hiện Kế hoạch này, gửi Văn phòng UBND tỉnh trước ngày 10 tháng cuối quý để tổng hợp, báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh và gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

1.4. Tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện Kế hoạch này và đề xuất các giải pháp chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh, Chính phủ năm 2019, gửi Văn phòng UBND tỉnh trước ngày 10 tháng 11 năm 2019, để tổng hợp, báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh và gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

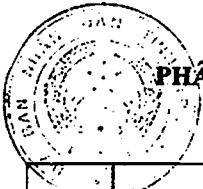
2. Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì phối hợp với các sở, ngành theo dõi chặt chẽ, tổng hợp báo cáo tình hình kinh tế-xã hội hàng tháng, kịp thời báo cáo UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh những vấn đề phát sinh, khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế-xã hội, dự toán ngân sách nhà nước tại phiên họp UBND tỉnh để kịp thời có giải pháp tháo gỡ.

3. Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với Đài Phát thanh và Truyền hình, Báo Trà Vinh, các sở, ngành, địa phương phổ biến, tuyên truyền rộng rãi Kế hoạch này trong các ngành, địa phương và nhân dân./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Đông Văn Lâm



Phụ lục I

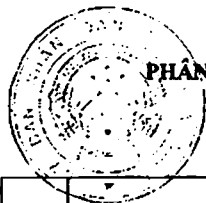
PHÂN CÔNG THEO DỐI, ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU

(Kèm theo Quyết định số 20/QĐ-UBND ngày 07/01/2019 của UBND tỉnh)

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2018	Kế hoạch năm 2019	Cơ quan theo dõi
I	KINH TẾ				
1	Tốc độ tăng trưởng kinh tế (GRDP)	%	11,05	11-12	Sở Kế hoạch và ĐT, Cục Thống kê
2	GRDP bình quân đầu người	Triệu đồng/người/năm	43,65	48,29	
3	Tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội	Tỷ đồng	22.830	22.500	
4	Thu nội địa	Tỷ đồng	3.720	3.830	Cục Thuế
5	Tỷ lệ đô thị hóa	%		28	Sở Xây dựng
II	XÃ HỘI				
4	Tỷ lệ học sinh đi học trong độ tuổi				Sở Giáo dục và Đào tạo
	- Tiểu học	%	99,90	99,99	
	- Trung học cơ sở	%	98,61	98,61	
	- Trung học phổ thông	%	72,83	73	
	Tỷ lệ học sinh đi học đúng độ tuổi				
	- Tiểu học	%	98,50	98,5	
	- Trung học cơ sở	%	96,60	96,6	
- Trung học phổ thông	%	70,20	70,2		
5	Tỷ lệ hộ nghèo giảm (Theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều)	%	2,44	1,5-2	Sở Lao động, TB và XH

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2018	Kế hoạch năm 2019	Cơ quan theo dõi
	<i>Trong đó: Vùng dân tộc Khmer giảm</i>	%	4,49	3	
6	Tỷ lệ thất nghiệp khu vực thành thị	%	2,62	<3	
	Tỷ lệ lao động qua đào tạo	%	57,00	61,5	
7	Trong đó: Tỷ lệ lao động qua đào tạo có văn bằng chứng chỉ công nhận kết quả đào tạo	%	29,00	29,75	
	Tạo việc làm mới	Lao động	23.400	22.000	
8	Số giường bệnh/vạn dân (không tính trạm y tế xã)		21,01	21,45	Sở Y tế
	Số bác sĩ/vạn dân		7,46	7,6	
9	Tỷ lệ trẻ em dưới 05 tuổi suy dinh dưỡng giảm còn	%	7,97	7,77	
10	Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế	%	95,15	95,06	Bảo hiểm XH
11	Tỷ lệ hộ sử dụng điện	%	98,87	98,9	Sở Công Thương
12	Số xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới tăng thêm	Xã	9	14	Sở Nông nghiệp và PTNT
III	MÔI TRƯỜNG				
13	Tỷ lệ khu công nghiệp đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường	%	100	100	Sở Tài nguyên và MT
14	Tỷ lệ chất thải nguy hại được xử lý	%	99,19	99,19	
15	Tỷ lệ che phủ rừng so với diện tích tự nhiên	%	4,10	4,30	Sở Nông nghiệp và PTNT

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2018	Kế hoạch năm 2019	Cơ quan theo dõi
16	Tỷ lệ dân số nông thôn được cung cấp				
	- Nước sạch	%	63,29	63,51	
	- Nước hợp vệ sinh	%	93,52	94	
17	Tỷ dân số đô thị được cung cấp nước sạch, hợp vệ sinh	%	94,06	96,3	Sở Xây dựng
IV	QUỐC PHÒNG – AN NINH				
18	Giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội		Giữ vững	Giữ vững	Công an tỉnh
19	Tỷ lệ cơ quan, đơn vị vững mạnh về an ninh, chính trị	%	100	100	
20	Tỷ lệ xã, phường, thị trấn vững mạnh về quốc phòng - an ninh	%	95	95	BCH Quân sự tỉnh



Phụ lục II

PHÂN CÔNG THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ CHỦ YẾU THỰC HIỆN KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ XÃ HỘI VÀ DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2019

(Kèm theo Quyết định số 20/QĐ-UBND ngày 07/01/2019 của UBND tỉnh)

STT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Thời gian thực hiện
1.	Ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh		
1.	Tổ chức thực hiện có hiệu quả chính sách về tiền tệ, tín dụng và hoạt động ngân hàng. Có biện pháp tăng trưởng tín dụng phù hợp với sự phát triển kinh tế, nâng cao chất lượng tín dụng, tập trung tín dụng cho các lĩnh vực ưu tiên	CN Ngân hàng Nhà nước TV	Năm 2019
2.	Siết chặt kỷ luật tài chính- NSNN; điều hành ngân sách chặt chẽ, tiết kiệm, trong phạm vi dự toán được giao; quản lý, sử dụng hiệu quả tài sản công.	Sở Tài chính, các Sở, ngành, địa phương	Năm 2019
3.	Thực hiện tốt Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 07-NQ/TW ngày 18/11/2016 của Bộ Chính trị “về chủ trương, giải pháp cơ cấu lại ngân sách nhà nước, quản lý nợ công để bảo đảm nền tài chính quốc gia an toàn, bền vững”	Sở Tài chính	Năm 2019
4.	Tăng cường thanh tra, kiểm tra, chống thất thu, chuyển giá, trốn lậu thuế; giảm tỷ lệ nợ đọng thuế; phấn đấu tăng thu ngân sách 5% so dự toán.	Cục Thuế	Năm 2019
5.	Thực hiện tốt Kế hoạch hành động thực hiện Chiến lược xuất nhập khẩu hàng hoá, mở rộng thị trường xuất khẩu	Sở Công Thương	Năm 2019
6.	Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 41/NQ-CP ngày 09/6/2015 của Chính phủ về đẩy mạnh công tác đấu tranh phòng chống buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả; Kế hoạch bình ổn thị trường	Sở Công Thương	Năm 2019
7.	Củng cố hệ thống thông tin, báo cáo; nâng cao chất lượng công tác thống kê, phân tích, dự báo; tổ chức tốt tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019	Sở Kế hoạch và Đầu tư, Cục Thống kê	Năm 2019

STT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Thời gian thực hiện
2.	Tập trung thực hiện quyết liệt các đột phá chiến lược, cơ cấu lại nền kinh tế, đổi mới mô hình, nâng cao chất lượng tăng trưởng		
8.	Tổ chức thi hành, theo dõi thực hiện pháp luật. Nâng cao chất lượng thẩm định, ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Tiếp tục thực hiện tốt Kế hoạch hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật kỳ 2014 - 2018 trên địa bàn tỉnh	Sở Tư pháp	Năm 2019
9.	Phát triển thị trường lao động, kết nối cung - cầu lao động; mở rộng thị trường lao động ngoài nước, thực hiện có hiệu quả Đề án hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài	Sở Lao động, Thương binh và XH	Năm 2019
10.	Phát triển thị trường bất động sản; thực hiện tốt Chương trình phát triển đô thị; phát triển hệ thống dịch vụ xã hội đô thị bảo đảm an sinh xã hội	Sở Xây dựng	Năm 2019
11.	Phát triển khoa học và công nghệ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế; Chương trình phối hợp hoạt động khoa học và công nghệ giữa Bộ KHCN và UBND tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ	Năm 2019
12.	Phát triển đồng bộ hệ thống kết cấu hạ tầng; đẩy mạnh thu hút đầu tư, phát triển doanh nghiệp, khởi nghiệp và huy động các nguồn lực đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh	Sở Kế hoạch và Đầu tư, các sở, ngành, địa phương	Năm 2019
13.	Tiếp tục thực hiện tốt Quy hoạch tổng thể phát triển giao thông vận tải; Đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án trong lĩnh vực giao thông vận tải, nhất là Đường tỉnh 915 B, Hạ tầng thiết yếu phục vụ vùng sản xuất cây ăn trái tập trung 02 huyện Càng Long, Châu Thành và thành phố Trà Vinh; hạ tầng giao thông trong khu vực 04 xã đảo ...	Sở Giao thông vận tải	Năm 2019
14.	Phát triển đô thị thành phố Trà Vinh quy mô đô thị loại II	UBND thành phố Trà Vinh	Năm 2019
15.	Chương trình phát triển đô thị thị xã Duyên Hải đến năm 2020	UBND thị xã Duyên Hải	Năm 2019

STT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Thời gian thực hiện
16.	Xây dựng thị trấn Tiểu Cần đạt tiêu chí đô thị loại IV	UBND huyện Tiểu Cần	Năm 2019
17.	Xây dựng các tuyến phố văn minh đô thị	UBND các huyện, TX, thành phố	Năm 2019
18.	Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Kế hoạch phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2016 - 2020	Các Sở: Kế hoạch và ĐT, Giáo dục và ĐT, Lao động- TB và XH, các sở, ngành liên quan và UBND các huyện, TX, TP	Năm 2019
19.	Thực hiện có hiệu quả Đề án phân luồng, đào tạo nghề cho học sinh sau trung học cơ sở và trung học phổ thông trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2018 – 2025; tăng cường xã hội hóa giáo dục; xây dựng xã hội học tập	Sở Giáo dục và Đào tạo	Năm 2019
20.	Tiếp tục thực hiện Kế hoạch phát triển dạy nghề; Nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp, chất lượng nguồn nhân lực	Sở LĐTĐBXH, Đại học Trà Vinh	Năm 2019
21.	Triển khai thực hiện tốt Luật quy hoạch; điều chỉnh Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội tỉnh Trà Vinh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Năm 2019
22.	Thực hiện tốt Kế hoạch triển khai thực hiện Quyết định số 593/QĐ-TTg ngày 06/4/2016 của Thủ tướng Chính phủ về Quy chế thi điểm liên kết phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bằng sông Cửu Long giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn tỉnh	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Năm 2019
23.	Tăng cường huy động và sử dụng có hiệu quả nguồn lực xã hội; tăng cường quản lý, giám sát chặt chẽ đầu tư công và giải ngân kế hoạch đầu tư công	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Năm 2019
24.	Dẩy mạnh thu hút vốn đầu tư nước ngoài	Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ban quản lý Khu kinh tế	Năm 2019
25.	Nâng cao trách nhiệm thúc đẩy giải ngân vốn đầu tư công	Các sở, ngành, địa phương có dự án đầu tư công	Năm 2019

STT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Thời gian thực hiện
26.	Tiếp tục thực hiện tốt Kế hoạch triển khai thực hiện Quyết định số 1058/QĐ-TTg ngày 19/7/2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Cơ cấu lại hệ thống các tổ chức tín dụng gắn với xử lý nợ xấu giai đoạn 2016 – 2020” trên địa bàn tỉnh.	CN Ngân hàng Nhà nước TV	Năm 2019
27.	Thực hiện hiệu quả Dự án nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, hàng hóa chủ lực của tỉnh; Khuyến khích chuyển giao công nghệ, chuyển đổi lên công nghệ cao hơn, thực hiện tốt Kế hoạch triển khai thực hiện Chi thị số 16/CT-TTg ngày 04/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường năng lực tiếp cận cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư trên địa bàn tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ	Năm 2019
28.	Tiếp tục thực hiện tốt Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 27/NQ-CP ngày 21/02/2017 của Chính phủ và Chương trình hành động số 12-CTr/TU ngày 18/01/2017 của Tỉnh ủy về một số chủ trương, chính sách lớn nhằm tiếp tục đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao chất lượng tăng trưởng, năng suất lao động, sức cạnh tranh của nền kinh tế và Kế hoạch cơ cấu lại nền kinh tế giai đoạn 2016-2020	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Năm 2019
29.	Thực hiện tốt Kế hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp; Kế hoạch chuyển đổi sản xuất, ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất gắn với xây dựng nông thôn mới và phát triển kinh tế hợp tác; Kế hoạch phát triển một số cây trồng, vật nuôi chủ lực; Kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa; Đề án Phát triển ngành nghề nông thôn; Đề án “Phát triển mỗi xã, phường, thị trấn một sản phẩm ...	Sở Nông nghiệp và PTNT	Năm 2019
30.	Thực hiện có hiệu quả Kế hoạch hành động nâng cấp chuỗi giá trị dưa, chuỗi giá trị đậu phộng	Sở Nông nghiệp và PTNT	Năm 2019
31.	Tăng cường công tác chỉ đạo, quản lý nuôi thủy sản, phát triển ngành tôm, nhất là tôm nuôi phục vụ xuất khẩu. Tăng cường thanh tra, kiểm tra, kiểm soát nghề cá, ngăn chặn, giảm thiểu và loại bỏ khai thác hải sản bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định	Sở Nông nghiệp và PTNT	Năm 2019
32.	Đẩy mạnh phát triển hợp tác xã nông nghiệp hoạt động hiệu quả, thực hiện tốt Đề án “Thị điểm hoàn thiện, nhân rộng mô hình hợp tác xã kiểu mới tại vùng đồng bằng sông Cửu Long giai đoạn 2016 - 2020” trên địa bàn tỉnh	Sở Nông nghiệp và PTNT	Năm 2019

STT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Thời gian thực hiện
33.	Thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 77/2018/NQ-HĐND ngày 07/12/2018 ban hành chính sách hỗ trợ tín dụng khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Năm 2019
34.	Thực hiện tốt Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2019 gắn với giai đoạn 2016-2020; nâng cao chất lượng các xã đạt tiêu chí nông thôn mới theo Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao tỉnh Trà Vinh, giai đoạn 2018 – 2020	Sở Nông nghiệp và PTNT	Năm 2019
35.	Xây dựng huyện Cầu Kè đạt chuẩn huyện nông thôn mới	UBND huyện Cầu Kè	Năm 2019
36.	Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Kế hoạch số 22/KH-UBND ngày 10/4/2018 thực hiện khai thác tốt tiềm năng kinh tế biển trở thành kinh tế mũi nhọn của tỉnh gắn với thu hút đầu tư vào Khu kinh tế Định An	Sở Kế hoạch và Đầu tư, BQL Khu kinh tế	Năm 2019
37.	Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Kế hoạch thực hiện Đề án Tái cơ cấu ngành Công Thương gắn Đề án phát triển công nghiệp chế biến thực phẩm; Kế hoạch Phát triển công nghiệp hỗ trợ...	Sở Công Thương	Năm 2019
38.	Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Kế hoạch nâng cao chất lượng sản phẩm, đủ sức cạnh tranh; đẩy mạnh liên kết hợp tác sản xuất, đảm bảo ổn định thị trường đầu ra gắn với phát triển chợ an toàn thực phẩm; quản lý, kiểm soát chặt chẽ thị trường	Sở Công Thương	Năm 2019
39.	Thực hiện tốt quy hoạch phát triển điện lực tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2016-2025; đẩy mạnh phát triển điện gắn với thực hiện tốt kế hoạch sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, không để xảy ra tình trạng thiếu điện cho sản xuất và sinh hoạt	Sở Công Thương	Năm 2019
40.	Thực hiện tốt Chương trình hành động, Đề án, Kế hoạch phát triển du lịch; Chương trình xúc tiến du lịch	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Năm 2019
41.	Tiếp tục thực hiện có hiệu quả chính sách hỗ trợ phát triển trong lĩnh vực du lịch trên địa bàn tỉnh; nhiệm vụ giải pháp đột phá phát triển du lịch	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Năm 2019

STT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Thời gian thực hiện
42.	Đẩy mạnh xã hội hóa phát triển du lịch	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Năm 2019
43.	Thực hiện tốt Quy chế thực hiện cơ chế một cửa liên thông trong thành lập doanh nghiệp; Quy chế phối hợp giải quyết thủ tục đầu tư theo cơ chế một cửa liên thông đối với dự án đầu tư ngoài khu công nghiệp, khu kinh tế trên địa bàn tỉnh	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Năm 2019
44.	Thực hiện có hiệu quả những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh; cải thiện thứ hạng chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI).	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Năm 2019
45.	Thực hiện hiệu quả Chương trình hành động của tỉnh thực hiện Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 16/5/2016 của Chính phủ về hỗ trợ phát triển doanh nghiệp đến năm 2020; Đề án hỗ trợ phát triển doanh nghiệp, khởi nghiệp giai đoạn 2017-2020; Kế hoạch hỗ trợ phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa giai đoạn 2018 – 2020; Kế hoạch trợ giúp đào tạo cho doanh nghiệp nhỏ và vừa năm 2019	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Năm 2019
46.	Thực hiện tốt công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp	Sở Tư pháp	Năm 2019
47.	Thực hiện tốt Quy chế phối hợp giữa các cơ quan có liên quan để giải quyết các thủ tục hành chính về đất đai trên địa bàn tỉnh	Sở Tài nguyên và Môi trường	Năm 2019
48.	Thực hiện tốt Quy chế phối hợp thực hiện cơ chế một cửa liên thông lĩnh vực đầu tư trong khu kinh tế, khu công nghiệp	BQL Khu kinh tế	Năm 2019
49.	Thực hiện tốt chương trình kết nối Ngân hàng- Doanh nghiệp	Chi nhánh NHNN	Năm 2019
50.	Thực hiện tốt chính sách hỗ trợ, khuyến khích phát triển Hợp tác xã, Liên hiệp hợp tác xã trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2017-2020	Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở NN và PTNT, LM Hợp tác xã	Năm 2019
3.	Phát triển toàn diện, hài hòa các lĩnh vực văn hóa, xã hội, không ngừng nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân		

STT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Thời gian thực hiện
51.	Thực hiện tốt Kế hoạch số 59-KH/TU ngày 25/9/2017 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Chi thị số 14-CT/TW ngày 19/7/2017 của Ban Bí thư về "tiếp tục tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác người có công với cách mạng" trên địa bàn tỉnh TV;	Sở Lao động, Thương binh và XH	Năm 2019
52.	Thực hiện có hiệu quả Đề án giảm nghèo bền vững đến năm 2015 và định hướng đến năm 2020 gắn với Kế hoạch nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, giải quyết việc làm, huy động các nguồn lực để giảm nghèo nhanh và bền vững, trọng tâm là các xã đặc biệt khó khăn, xã bãi ngang, xã có đông đồng bào dân tộc Khmer sinh sống giai đoạn 2018 - 2020 phấn đấu đạt mục tiêu tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều) giảm bình quân 1,5-2%; trong vùng có đông đồng bào dân tộc Khmer giảm 3%.	Sở Lao động, Thương binh và XH	Năm 2018
53.	Tiếp tục thực hiện tốt Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 15-NQ/TW ngày 01/6/2012 Hội nghị Trung ương năm (khóa XI) Một số vấn đề về chính sách xã hội; Kế hoạch thực hiện Đề án Đổi mới, phát triển trợ giúp xã hội; Kế hoạch thực hiện Chương trình hành động quốc gia về người cao tuổi; Chương trình bảo vệ trẻ em 0; Kế hoạch hành động thực hiện Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới ...	Sở Lao động, Thương binh và XH	Năm 2019
54.	Tổ chức triển khai thực hiện tốt Chương trình phát triển nhà ở tỉnh Trà Vinh đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030	Sở Xây dựng	Năm 2019
55.	Đẩy nhanh tiến độ thực hiện Nghị quyết số 69/2018/NQ-HĐND ngày 11/7/2018 về quy định chính sách hỗ trợ đất ở cho hộ nghèo giai đoạn 2018-2020 trên địa bàn tỉnh Trà Vinh (ngoài đối tượng theo quyết định số 29/2013/QĐ-TTg ngày 20/5/2013 của Thủ tướng Chính phủ)	Sở Tài nguyên và MT	Năm 2019
56.	Thực hiện tốt chính sách trợ giúp pháp lý cho người nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số tại các xã nghèo, áp đặc biệt khó khăn giai đoạn 2016 - 2020 và hỗ trợ vụ việc tham gia tố tụng có tính chất phức tạp hoặc điển hình trên địa bàn tỉnh	Sở Tư pháp	Năm 2019

STT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Thời gian thực hiện
57.	Tiếp tục thực hiện tốt Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII) "về tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới"; Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 25/10/2017 của BCH Trung ương Đảng khóa XII "về công tác dân số trong tình hình mới"	Sở Y tế	Năm 2019
58.	Đẩy nhanh tiến độ xây dựng các bệnh viện, phát triển mạng lưới y tế cơ sở; đầu tư xây dựng Trạm Y tế xã trên địa bàn tỉnh đạt chuẩn quốc gia về y tế.	Sở Y tế	Năm 2019
59.	Thực hiện có hiệu quả Kế hoạch thực hiện Chiến lược quốc gia an toàn thực phẩm giai đoạn 2011-2020 và tầm nhìn đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh; Chỉ thị số 13/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường trách nhiệm quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm	Sở Y tế	Năm 2019
60.	Tăng cường công tác quản lý giống, thức ăn, thuốc thú y, hóa chất, chế phẩm sinh học trong nuôi trồng thủy sản trên địa bàn tỉnh Trà Vinh	Sở Nông nghiệp và PTNT	Năm 2019
61.	Tiếp tục thực hiện Kế hoạch thực hiện Chiến lược phát triển giáo dục giai đoạn 2013 - 2020; Kế hoạch thực hiện Nghị quyết Trung ương 8 (khóa XI) "Về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu CNH-HĐH trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng XHCN và hội nhập quốc tế"; Đề án "Tăng cường giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống cho thanh niên, thiếu niên và nhi đồng giai đoạn 2015-2020" trên địa bàn tỉnh	Sở Giáo dục và Đào tạo	Năm 2019
62.	Triển khai thực hiện tốt chủ trương của Quốc hội, Chính phủ về đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông; Tổ chức các kỳ thi nghiêm túc, an toàn, chất lượng	Sở Giáo dục và Đào tạo	Năm 2019
63.	Thực hiện tốt Quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục đến 2020 và tầm nhìn đến năm 2030; Kế hoạch xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia giai đoạn 2017 - 2020, định hướng đến năm 2025; Đề án "Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2012 - 2020"	Sở Giáo dục và Đào tạo	Năm 2019

STT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Thời gian thực hiện
64.	Tiếp tục thực hiện Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án "Tăng cường tiếng Việt cho trẻ em mầm non, học sinh tiểu học vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2016-2020, định hướng năm 2025, các chương trình, chính sách hỗ trợ giáo dục vùng đặc biệt khó khăn, vùng dân tộc thiểu số	Sở Giáo dục và Đào tạo	Năm 2019
65.	Thực hiện tốt Cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới và đô thị văn minh" và phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá"; xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước; Kế hoạch xây dựng gia đình thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Năm 2019
66.	Tăng cường công tác bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị văn hóa. Nâng cao hiệu quả các thiết chế văn hoá	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Năm 2019
67.	Thực hiện tốt Quy định về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet công cộng và dịch vụ trò chơi điện tử công cộng trên địa bàn tỉnh Trà Vinh	Sở Thông tin và Truyền thông	Năm 2019
68.	Tiếp tục thực hiện Kế hoạch phát triển thể dục, thể thao giai đoạn 2012-2015 và định hướng đến năm 2020 trên địa bàn tỉnh; phát triển thể dục thể thao cho mọi người và thể thao thành tích cao	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Năm 2019
69.	Thực hiện tốt Kế hoạch thực hiện Chỉ thị số 18-CT/TW ngày 10/01/2018 của Bộ Chính trị "về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 25-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa IX) về công tác tôn giáo trong tình hình mới"	Sở Nội vụ	Năm 2019
70.	Thực hiện tốt Đề án thực hiện chính sách đặc thù hỗ trợ phát triển kinh tế- xã hội vùng dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh; Kế hoạch thực hiện Quyết định số 1557/QĐ-TTg phê duyệt một số chỉ tiêu thực hiện các Mục tiêu phát triển Thiên niên kỷ đối với đồng bào dân tộc thiểu số gắn với mục tiêu phát triển bền vững sau năm 2015 trên địa bàn tỉnh; Kế hoạch thực hiện Chỉ thị số 19-CT/TW, ngày 10/01/2018 của Ban Bí thư về tăng cường công tác ở vùng đồng bào dân tộc Khmer trong tình hình mới; Đề án "Đẩy mạnh công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và tuyên truyền, vận động đồng bào vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2017-2021" trên địa bàn tỉnh	Ban Dân tộc	Năm 2019

STT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Thời gian thực hiện
71.	Thực hiện tốt các chương trình, chính sách, dự án trong vùng đồng bào dân tộc Khmer (Chương trình 135, Quyết định 2085/QĐ-TTg, Quyết định 12/QĐ-TTg...)	Ban Dân tộc	Năm 2019
4.	Phát huy nguồn lực tài nguyên, tăng cường bảo vệ môi trường; phòng, chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu		
72.	Tăng cường hiệu lực thi hành chính sách, pháp luật về khoáng sản. Tiếp tục thực hiện tốt Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 08/NQ-CP ngày 23/01/2014 của Chính phủ và Chương trình hành động số 33-CTr/TU ngày 20/8/2013 của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết 24 Hội nghị Trung ương lần thứ bảy (khóa XI) “Về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường”; Kế hoạch thực hiện chiến lược khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên và bảo vệ môi trường biển; Quy chế quản lý, khai thác và sử dụng quỹ đất công; Đề án tăng cường xử lý vi phạm về quản lý, sử dụng đất đai trên địa bàn tỉnh	Sở Tài nguyên và Môi trường	Năm 2019
73.	Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Quy hoạch thăm dò, khai thác, sử dụng khoáng sản cát ven biển; Tăng cường quản lý, thực hiện nghiêm Quyết định số 481/QĐ-UBND ngày 12/03/2018 Về việc phê duyệt khu vực cấm, tạm thời cấm hoạt động thăm dò, khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh	Sở Tài nguyên và Môi trường	Năm 2019
74.	Thực hiện tốt Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 120/NQ-CP ngày 17/11/2017 của Chính phủ về phát triển bền vững đồng bằng sông Cửu Long thích ứng với biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh; Kế hoạch hành động triển khai thực hiện <u>tăng trưởng xanh</u> giai đoạn 2017 – 2020 trên địa bàn tỉnh	Sở KH và ĐT, Sở Tài nguyên và MT	Năm 2019
75.	Tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 15-CT/TU ngày 28/12/2016 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Kế hoạch số 01/KH-UBND ngày 11/01/2017 của UBND tỉnh về hành động cải thiện cảnh quan, môi trường; chỉnh trang đô thị; đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm; lập lại trật tự, an toàn giao thông	Các Sở, ngành, địa phương	Năm 2019

STT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Thời gian thực hiện
76.	Thực hiện tốt Kế hoạch bảo vệ môi trường tỉnh Trà Vinh năm 2019; Kế hoạch triển khai thực hiện Chỉ thị số 25/CT-TTg ngày 31/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ và Nghị quyết số 13-NQ/TU ngày 06/6/2017 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về một số nhiệm vụ, giải pháp cấp bách trong bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh	Sở Tài nguyên và Môi trường	Năm 2019
77.	Thực hiện tốt Kế hoạch quản lý chất thải y tế tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2015-2020; Kế hoạch thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải y tế nguy hại trên địa bàn tỉnh	Sở Y tế	Năm 2019
78.	Thực hiện nghiêm các quy định pháp luật về bảo vệ, phát triển rừng, bảo tồn đa dạng sinh học, phân đấu đạt chỉ tiêu tỷ lệ che phủ rừng theo kế hoạch đề ra	Sở Nông nghiệp và PTNT	Năm 2019
79.	Thực hiện tốt Đề án “Nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng” trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2016-2020	Sở Nông nghiệp và PTNT	Năm 2019
80.	Triển khai thực hiện Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 18/6/2018 của Chính phủ về công tác phòng, chống thiên tai trên địa bàn tỉnh; kế hoạch phòng, chống thiên tai trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2016-2020; chủ động phòng chống, giảm nhẹ thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu; nâng cao hiệu quả quản lý khai thác công trình thủy lợi; thực hiện đồng bộ các giải pháp phòng, chống sạt lở bờ sông, bờ biển.	Sở Nông nghiệp và PTNT	Năm 2019
5.	Tăng cường, nâng cao hiệu quả công tác thanh tra, kiểm tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo; đẩy mạnh công tác phòng chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí		
81.	Tăng cường công tác tiếp dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân; Tăng cường kiểm tra, rà soát, giải quyết dứt điểm các vụ khiếu nại, tố cáo phức tạp, kéo dài; Nghiêm túc tổ chức thực hiện các quyết định giải quyết khiếu nại, quyết định xử lý tố cáo đã có hiệu lực pháp luật.	Thanh tra tỉnh, các Sở, ngành, địa phương	Năm 2019
82.	Thực hiện nghiêm Nghị quyết Trung ương 4, ngăn chặn, đẩy lùi suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức lối sống, những biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong nội bộ. Triển khai đồng bộ, quyết liệt các giải pháp phòng chống tham nhũng, lãng phí	Các Sở, ngành, địa phương	Năm 2019

STT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Thời gian thực hiện
83.	Thực hiện tốt Kế hoạch công tác phòng, chống tham nhũng năm 2019; Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện công tác phòng, chống tham nhũng đến năm 2020 trên địa bàn tỉnh Trà Vinh	Thanh tra tỉnh	Năm 2019
84.	Thực hiện tốt Kế hoạch thanh tra năm 2019; xử lý hoặc đề xuất xử lý nghiêm các vi phạm	Thanh tra tỉnh	Năm 2019
85.	Tiếp tục thực hiện tốt Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí giai đoạn 2016-2020	Sở Tài chính, các sở, ngành, địa phương	Năm 2019
6.	Xây dựng bộ máy tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả, tinh giản biên chế và cơ cấu của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính; xây dựng chính quyền điện tử phục vụ người dân và doanh nghiệp		
86.	Thực hiện tốt Kế hoạch cải cách hành chính tỉnh Trà Vinh năm 2019	Sở Nội vụ	Năm 2019
87.	Tiếp tục thực hiện tốt Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII) về <i>"Một số vấn đề tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả"</i> ; Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII) <i>"về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập"</i>	Sở Nội vụ	Năm 2019
88.	Thực hiện tốt Chi thị số 20-CT/TU ngày 04/4/2017 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính trên địa bàn tỉnh; Kế hoạch xây dựng chính quyền các cấp "Kỷ cương, liêm chính, hành động, sáng tạo, hiệu quả" phục vụ Nhân dân và doanh nghiệp; Chương trình hành động về tăng cường cải cách hành chính gắn với trách nhiệm người đứng đầu trong thực hiện nhiệm vụ công vụ, công chức, nâng cao chất lượng, hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước giai đoạn 2016-2022	Sở Nội vụ, các Sở, ngành, địa phương	Năm 2019
89.	Thực hiện nghiêm Kế hoạch tinh giản biên chế theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ. Kế hoạch tinh giản biên chế năm 2019 gắn với Kế hoạch tinh giản biên chế đến năm 2021 của tỉnh	Sở Nội vụ	Năm 2019

STT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Thời gian thực hiện
90.	Thực hiện Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW về tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược, đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ; Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 27-NQ/TW về cải cách chính sách tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang và người lao động trong doanh nghiệp; Kế hoạch thực hiện Nghị định số 140/2017/NĐ-CP của Chính phủ về chính sách thu hút, tạo nguồn cán bộ từ sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, cán bộ khoa học trẻ	Sở Nội vụ	Năm 2019
91.	Thực hiện hiệu quả cơ chế một cửa, một cửa liên thông, mô hình trung tâm hành chính công, cung cấp dịch vụ công trực tuyến	Các sở, ngành, địa phương	Năm 2019
92.	Thực hiện tốt Kế hoạch thực hiện Quyết định số 241/QĐ-TTg ngày 23/02/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án đẩy mạnh thanh toán qua ngân hàng đối với các dịch vụ công: thuế, điện, nước, học phí, viện phí và chi trả các chương trình an sinh xã hội trên địa bàn tỉnh	Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước	Năm 2019
93.	Thực hiện tốt công tác kiểm soát thủ tục hành chính; Quy chế phối hợp về tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính trên địa bàn tỉnh; Kế hoạch triển khai Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh; Kế hoạch triển khai QĐ số 1380/QĐ-TTg ngày 18/10/2018 của TTGP phê duyệt "Đề án thực hiện liên thông các thủ tục hành chính: Đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, hưởng chế độ tử tuất/hỗ trợ chi phí mai táng/hưởng mai táng phí" trên địa bàn tỉnh	Văn phòng UBND tỉnh	Năm 2019
94.	Thực hiện tốt việc tiếp nhận và xử lý phản ánh, kiến nghị của doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh qua đường dây nóng và hộp thư điện tử	Sở Kế hoạch và DT	Năm 2019
95.	Đẩy nhanh tiến độ thực hiện Nghị quyết số 36a/NQ-CP ngày 14/10/2015 của Chính phủ về Chính phủ điện tử; Thực hiện tốt lộ trình cung cấp dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước; đẩy mạnh cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4.	Sở Thông tin và Truyền thông	Năm 2019

STT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Thời gian thực hiện
96.	Tiếp tục triển khai theo lộ trình Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Trà Vinh	Sở Thông tin và Truyền thông	Năm 2019
97.	Thực hiện tốt Kế hoạch thực hiện Đề án tổng thể đơn giản hóa thủ tục hành chính, giấy tờ công dân và cơ sở dữ liệu liên quan đến quản lý dân cư; Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án “Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử toàn quốc” trên địa bàn tỉnh	Sở Tư pháp	Năm 2019
7.	Tăng cường quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội; nâng cao hiệu quả hoạt động đối ngoại và hội nhập quốc tế		
98.	Tiếp tục thực hiện Kế hoạch triển khai thực hiện Kết luận số 28-KL/TW ngày 14/8/2012 của Bộ Chính trị về phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm an ninh, quốc phòng vùng đồng bằng sông Cửu Long thời kỳ 2011-2020	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Năm 2019
99.	Xây dựng khu vực phòng thủ vững chắc, hoàn thành tốt các chỉ tiêu huấn luyện, diễn tập, tuyển quân	BCH Quân sự tỉnh	Năm 2019
100.	Tổ chức phong trào toàn dân tham gia bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, an ninh biên giới trong tình hình mới; Tăng cường phổ biến, giáo dục pháp luật cho cán bộ, Nhân dân vùng biên giới, hải đảo trên địa bàn tỉnh	BCH Bộ đội Biên phòng	Năm 2019
101.	Tăng cường công tác phòng, chống tội phạm trong tình hình mới; thực hiện có hiệu quả các kế hoạch phòng chống các loại tội phạm như tội phạm có tổ chức, tội phạm ma túy, mua bán người, tội phạm xâm hại trẻ em...	Công an tỉnh	Năm 2019
102.	Thực hiện tốt Đề án “Tăng cường phổ biến, giáo dục pháp luật cho người đang chấp hành hình phạt tù; người bị áp dụng các biện pháp tư pháp hoặc các biện pháp xử lý hành chính, người mới ra tù tái hòa nhập cộng đồng, thanh thiếu niên vi phạm pháp luật, lang thang cơ nhỡ giai đoạn 2018 - 2021” trên địa bàn tỉnh; Tăng cường quản lý, giáo dục cảm hóa phòng ngừa thanh thiếu niên vi phạm pháp luật tại cơ sở	Công an tỉnh	Năm 2019
103.	Thực hiện các biện pháp hiệu quả bảo đảm trật tự, an toàn giao thông; giám sát và quản lý tốt dịch vụ vận tải	Sở Giao thông VT, Công an tỉnh	Năm 2019

STT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Thời gian thực hiện
104.	Thực hiện tốt công tác phòng, chống cháy nổ	Công an tỉnh	Năm 2019
105.	Thực hiện tốt Chương trình Xúc tiến đầu tư năm 2019, nâng cao hiệu quả xúc tiến đầu tư, thu hút các nguồn vốn đầu tư nước ngoài	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Năm 2019
106.	Thực hiện tốt công tác đối với người Việt Nam ở nước ngoài theo Nghị quyết số 36-NQ/TW của Bộ Chính trị khóa IX	Các Sở, ngành, địa phương	Năm 2019
107.	Thực hiện tốt Kế hoạch hành động triển khai Chiến lược Ngoại giao văn hóa tỉnh Trà Vinh đến năm 2020	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Năm 2019
108.	Thực hiện tốt Kế hoạch hoạt động thông tin đối ngoại tỉnh giai đoạn 2018-2020	Sở Thông tin và Truyền thông	Năm 2019
8.	Đẩy mạnh công tác thông tin, truyền thông; tăng cường công tác phối hợp giữa chính quyền với các cơ quan Đảng, đoàn thể trong thực hiện nhiệm vụ, mục tiêu và giải pháp đề ra		
109.	Tăng cường công tác thông tin tuyên truyền các chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, tình hình kinh tế-xã hội địa phương	Sở Thông tin và Truyền thông	Năm 2019
110.	Thực hiện tốt Quy hoạch phát triển xuất bản, in, phát hành xuất bản phẩm; nâng cao chất lượng toàn diện của hoạt động xuất bản; Thực hiện tốt Kế hoạch triển khai thực hiện Chỉ thị số 30-CT/TW ngày 25 tháng 12 năm 2013 của Bộ Chính trị về phát triển và tăng cường quản lý báo chí điện tử, mạng xã hội và các loại hình truyền thông khác trên Internet giai đoạn 2014 – 2020 trên địa bàn tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông	Năm 2019
111.	Đa dạng hóa các hình thức phổ biến, giáo dục pháp luật, tạo chuyển biến trong nhận thức và ý thức tuân thủ, chấp hành pháp luật	Sở Tư pháp	Năm 2019

STT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Thời gian thực hiện
112.	Thực hiện tốt Kế hoạch thực hiện Chi thị số 07-CT/TW ngày 05/9/2016 của Ban Bí thư “về đẩy mạnh công tác thông tin cơ sở trong tình hình mới” và Quyết định số 52/2016/QĐ-TTg ngày 06/12/2016 của Thủ tướng Chính phủ “Ban hành Quy chế hoạt động thông tin cơ sở” trên địa bàn tỉnh Trà Vinh; Đề án tuyên truyền bảo vệ chủ quyền và phát triển bền vững biển, đảo Việt Nam giai đoạn 2018 - 2020 trên địa bàn tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông	Năm 2019
113.	Tiếp tục tổ chức tốt các phong trào thi đua	Sở Nội vụ	Năm 2019
114.	Chủ động phối hợp với các bộ, ngành Trung ương trong thực hiện nhiệm vụ, nhất là các công trình, dự án Trung ương đầu tư trên địa bàn tỉnh	Các Sở, ngành tỉnh	Năm 2019
115.	Tăng cường phối hợp với các cơ quan của Đảng, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể cùng cấp tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên, phát huy quyền làm chủ các tổ chức xã hội, hội, hiệp hội và của nhân dân trong mọi lĩnh vực, tạo sự đồng thuận xã hội, tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội năm 2019	Các Sở, ngành, địa phương	Năm 2019



Phụ lục III
DANH MỤC ĐỀ ÁN TRÌNH UBND TỈNH, CHỦ TỊCH UBND TỈNH NĂM 2019
(Kèm theo Quyết định số 20/QĐ-UBND ngày 07/01/2019 của UBND tỉnh)

STT	TÊN ĐỀ ÁN	Cơ quan chủ trì	Thời gian hoàn thành
1.	Dự án xây dựng nhân rộng mô hình thí điểm tiêu thụ nông sản và cung ứng vật tư nông nghiệp theo Quyết định số 23/QĐ-TTg ngày 06/01/2010 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt đề án “Phát triển thương mại nông thôn giai đoạn 2010-2015 và định hướng đến năm 2020	Sở Công Thương	Tháng 3/2019
2.	Quyết định sửa đổi, bổ sung Quyết định số 51/2016/QĐ-UBND ngày 30/12/2016 của UBND tỉnh về ban hành giá dịch vụ sử dụng điện tích bán hàng tại các chợ trên địa bàn tỉnh Trà Vinh	Sở Công Thương	Tháng 11/2019
3.	Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia và Phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa tỉnh Trà Vinh thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2019	Sở nông nghiệp và PTNT	Tháng 02/2019
4.	Kế hoạch thực hiện Đề án mỗi xã, phường, thị trấn một sản phẩm chủ lực tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2018-2020, định hướng đến 2030	Sở nông nghiệp và PTNT	Tháng 02/2019
5.	Kế hoạch thực hiện Đề án phát triển ngành nghề nông thôn tỉnh Trà Vinh đến năm 2020	Sở nông nghiệp và PTNT	Tháng 02/2019
6.	Chương trình khuyến nông tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2019-2021	Sở nông nghiệp và PTNT	Tháng 03/2019
7.	Kế hoạch triển khai thực hiện Quyết định số 461/QĐ-TTg ngày 27/4/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc thực hiện Đề án phát triển hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã nông nghiệp hoạt động có hiệu quả đến năm 2020.	Sở nông nghiệp và PTNT	Tháng 03/2019
8.	Đề án phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao thích ứng với biến đổi khí hậu đến năm 2025, định hướng đến năm 2030	Sở nông nghiệp và PTNT	Tháng 12/2019
9.	Đề án phát triển cây trồng, vật nuôi tạo sản phẩm chủ lực có lợi thế cạnh tranh trên địa bàn tỉnh đến năm 2025, định hướng đến năm 2030	Sở nông nghiệp và PTNT	Tháng 12/2019

STT	TÊN ĐỀ ÁN	Cơ quan chủ trì	Thời gian hoàn thành
10.	Kế hoạch hành động tiếp tục cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh tỉnh Trà Vinh năm 2019, định hướng đến năm 2020	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Tháng 3/2019
11.	Nghị quyết sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 11/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của HĐND tỉnh ban hành Quy định một số chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư trên địa bàn tỉnh Trà Vinh	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Tháng 4/2019
12.	Nghị quyết sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 19/2017/NQ-HĐND ngày 22/3/2017 của HĐND tỉnh Ban hành cơ chế, chính sách ưu đãi đối với cơ sở xã hội hóa hoạt động trong lĩnh vực giáo dục – đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể dục-thể thao, môi trường, giám định tư pháp trên địa bàn tỉnh Trà Vinh	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Tháng 4/2019
13.	Đề án hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Trà Vinh	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Tháng 5/2019
14.	Chi thi về xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách năm 2020	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Tháng 6/2019
15.	Nghị quyết về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2020	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Tháng 11/2019
16.	Quyết định Giao chỉ tiêu kế hoạch kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách năm 2020	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Tháng 12/2019
17.	Quyết định điều chỉnh Giá dịch vụ thoát nước trong đô thị trên địa bàn tỉnh	Sở Xây dựng	Tháng 9/2019
18.	Quyết định sửa đổi bổ sung Quyết định số 08/2017/QĐ-UBND ngày 12/6/2017 của UBND tỉnh về “Ban hành Quy chế phối hợp thực hiện cơ chế một cửa liên thông trong lĩnh vực xây dựng trên địa bàn tỉnh Trà Vinh”.	Sở Xây dựng	Tháng 12/2019
19.	Nghị quyết ban hành cơ chế chính sách ưu đãi, hỗ trợ trong hoạt động chuyển giao, ứng dụng, đổi mới công nghệ tại địa phương	Sở Khoa học và CN	Tháng 4/2019
20.	Dự án Xây dựng hệ thống Quản lý thực hiện nhiệm vụ do UBND tỉnh, chủ tịch UBND tỉnh giao, hệ thống Sao lưu, phục hồi dữ liệu các ứng dụng công nghệ thông tin dùng chung của tỉnh.	Sở Thông tin và TT	Tháng 5/2019
21.	Đề án Làng Văn hóa dân tộc Khmer Nam bộ Trà Vinh	Sở Văn hóa, Thể thao và DL	Tháng 5/2019
22.	Kế hoạch tổ chức thực hiện “Bộ tiêu chí ứng xử trong gia đình”	Sở Văn hóa, Thể thao và DL	Tháng 8/2019

STT	TÊN ĐỀ ÁN	Cơ quan chủ trì	Thời gian hoàn thành
23.	Quyết định điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch Quảng cáo ngoài trời trên địa bàn tỉnh Trà Vinh	Sở Văn hóa, Thể thao và DL	Tháng 9/2019
24.	Nghị quyết sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 11/2014/NQ-HĐND ngày 18/7/2014 của HĐND tỉnh phê chuẩn Đề án hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, giai đoạn 2014-2020	Sở Lao động-TB và XH	Tháng 4/2019
25.	Quyết định phê duyệt dự án đầu tư xây dựng Nhà hòa táng tập trung ở các khu đô thị thuộc huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh Trà Vinh	Ban Dân tộc	Tháng 10/2019
26.	Kế hoạch cập nhật Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu và Bản đồ nhạy cảm đường bờ tỉnh Trà Vinh	Sở Tài nguyên và MT	Tháng 3/2019
27.	Quyết định sửa đổi, bổ sung Quyết định số 01/2018/QĐ-UBND ngày 15/01/2018 về việc quy định diện tích tối thiểu được phép tách thửa đối với từng loại đất trên địa bàn tỉnh Trà Vinh	Sở Tài nguyên và MT	Tháng 6/2019
28.	Phương án bảo vệ khoáng sản chưa khai thác trên địa bàn tỉnh Trà Vinh	Sở Tài nguyên và MT	Tháng 6/2019
29.	Kế hoạch Bảo vệ môi trường tỉnh Trà Vinh năm 2020	Sở Tài nguyên và MT	Tháng 7/2019
30.	Quyết định ban hành Quy chế bán đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất trên địa bàn tỉnh Trà Vinh	Sở Tài nguyên và MT	Tháng 9/2019
31.	Nghị quyết ban hành Bảng giá đất 05 năm (2021 - 2024) trên địa bàn tỉnh Trà Vinh	Sở Tài nguyên và MT	Tháng 11/2019
32.	Quyết định ban hành Quy định về quản lý tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Trà Vinh	Sở Tài nguyên và MT	Tháng 11/2019
33.	Quyết định ban hành Quy định về quản lý hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh Trà Vinh	Sở Tài nguyên và MT	Tháng 11/2019
34.	Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Trà Vinh năm 2019	Sở Nội vụ	Tháng 01/2018
35.	Quyết định ban hành Kế hoạch kiểm tra công vụ năm 2019 trên địa bàn tỉnh Trà Vinh	Sở Nội vụ	Tháng 01/2018
36.	Kế hoạch thực hiện công tác dân vận chính quyền năm 2019	Sở Nội vụ	Tháng 02/2019
37.	Kế hoạch thực hiện Chiến lược phát triển thanh niên năm 2019	Sở Nội vụ	Tháng 02/2019

STT	TÊN ĐỀ ÁN	Cơ quan chủ trì	Thời gian hoàn thành
38.	Quyết định ban hành Quy chế công tác thi đua khen thưởng trên địa bàn tỉnh Trà Vinh (thay thế Quyết định số 12/2015/QĐ-UBND)	Sở Nội vụ	Tháng 02/2019
39.	Kế hoạch sắp xếp ấp, khóm trên địa bàn tỉnh Trà Vinh	Sở Nội vụ	Tháng 02/2019
40.	Nghị quyết sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 71/2018/ NQ-HĐND ngày 11/7/2018 về chính sách hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức, lao động hợp đồng theo Nghị định 68/2000/NĐ-CP và những người hoạt động không chuyên trách cấp xã thôi việc theo nguyện vọng	Sở Nội vụ	Tháng 4/2019
41.	Quyết định ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của ấp, khóm trên địa bàn tỉnh Trà Vinh (thay thế Quyết định số 09/2013/QĐ-UBND)	Sở Nội vụ	Tháng 6/2019
42.	Kế hoạch tổ chức Đại hội thi đua yêu nước lần thứ V, giai đoạn 2020-2025	Sở Nội vụ	Tháng 12/2019
43.	Quyết định về việc giao chỉ tiêu hợp đồng hợp đồng lao động một số loại công việc theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17/11/2000 của Chính phủ đối với các cơ quan, tổ chức hành chính tỉnh Trà Vinh năm 2020	Sở Nội vụ	Tháng 12/2019
44.	Quyết định về việc giao chỉ tiêu hợp đồng hợp đồng lao động một số loại công việc theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17/11/2000 của Chính phủ đối với các đơn vị sự nghiệp công lập năm 2020	Sở Nội vụ	Tháng 12/2019
45.	Kế hoạch cải cách hành chính năm 2020	Sở Nội vụ	Tháng 12/2019
46.	Chương trình công tác năm 2019 của Sở Tư pháp	Sở Tư pháp	Tháng 01/2019
47.	Kế hoạch thực hiện công tác quản lý xử lý vi phạm hành chính năm 2019 trên địa bàn tỉnh	Sở Tư pháp	Tháng 01/2019
48.	Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật năm 2019 trên địa bàn tỉnh	Sở Tư pháp	Tháng 01/2019
49.	Quyết định công bố kết quả rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật kỳ 2014 - 2018 của cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	Sở Tư pháp	Tháng 02/2019

STT	TÊN ĐỀ ÁN	Cơ quan chủ trì	Thời gian hoàn thành
50.	Kế hoạch triển khai các Luật mới có hiệu lực năm 2019	Sở Tư pháp	Tháng 02/2019
51.	Kế hoạch thống kê và đăng ký các sự kiện hộ tịch phát sinh chưa được đăng ký trên địa bàn tỉnh	Sở Tư pháp	Tháng 6/2019
52.	Kế hoạch Hướng ứng Ngày Pháp luật năm 2019 trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.	Sở Tư pháp	Tháng 8/2019